

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2019/DS-PT

Ngày: 12-3-2019

V/v T/c HĐ mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Tuấn Khải

Ông Trần Tấn Quốc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyên, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2019/TLPT-DS ngày 30 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản (hàng hóa)”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 38/2018/DS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 60/2019/QĐ-PT ngày 18 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Võ Văn L – Chủ Hộ kinh doanh Võ Văn L và bà Lê Thị Th, sinh năm 1976. Cùng địa chỉ: Khu phố G, thị trấn T, huyện Tân H, tỉnh L.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn G, sinh năm 1961. Địa chỉ: Ấp Ông L, xã V, huyện V, tỉnh L.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Võ Thị Bé B, sinh năm 1966 và anh Lê Văn San T, sinh năm 1990. Cùng địa chỉ: Ấp Ông L, xã V, huyện V, tỉnh L.

- *Người kháng cáo:* Bà Võ Thị Bé B.

(Ông L, bà Th, ông G và bà Bé B có mặt tại phiên tòa phúc thẩm. Anh Lê Văn San T vắng mặt)).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/7/2018 và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, nguyên đơn: Ông Võ Văn L – Chủ Hộ kinh doanh Võ Văn L và bà Lê Thị Th trình bày tóm tắt như sau:

Năm 2013, 2014, 2015, gia đình ông Lê Văn G có mua phân thuốc tại cửa hàng của ông, bà để phục vụ sản xuất nông nghiệp. Tổng giá trị hàng hóa mà gia đình ông G đã mua từ cửa hàng của ông bà sau khi đối chiếu giấy tờ là 411.198.000đồng (sau đây viết tắt từ đồng là đ). Trong thời gian giao dịch mua bán, phía gia đình ông G đã trả tiền được 04 lần, với tổng số tiền là 255.000.000đ. Ba lần trả trước là do anh Lê Văn San Ta (con của ông G và bà Bé B) trực tiếp trả. Lần trả cuối cùng do ông G trực tiếp trả với số tiền là 130.000.000đ vào ngày 05/3/2016. Hai bên có làm biên nhận nhận tiền vào chốt lại số tiền nợ gia đình ông G còn thiếu cửa hàng của vợ chồng ông L, bà Th là 292.729.000đ, cả gốc và lãi. Nay ông L, bà Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Lê Văn G, bà Võ Thị Bé B liên đới trả số tiền 303.025.000đ gồm tiền gốc và tiền lãi theo mức lãi suất 1,5%/tháng cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Lê Văn G và người đại diện theo ủy quyền của ông G đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Võ Thị Bé B trình bày tóm tắt như sau: Ông G, bà Bé B thống nhất ý kiến về việc có mua phân thuốc tại cửa hàng của ông L, bà Th vào các năm 2013, 2014, 2015. Ông G, bà Bé B thống nhất tổng số tiền mua phân thuốc theo chứng từ sổ sách là 411.198.000đ, thống nhất số tiền đã trả cho ông L, bà Th là 255.000.000đ, chia làm 04 lần. Lần thứ tư do ông G trực tiếp trả với số tiền 130.000.000đ vào ngày 05/3/2016 như phía ông L, bà Th trình bày. Ông G thừa nhận có ký vào giấy xác nhận nợ ngày 05/3/2016 còn nợ ông L số tiền 292.729.000đ. Tuy nhiên ông G, bà Bé B không đồng ý trả số nợ theo yêu cầu khởi kiện của ông L, bà Th vì cho rằng ông G không biết chữ, ông G ký tên là theo yêu cầu của ông L chứ không biết rõ nội dung. Nay chỉ đồng ý trả số tiền gốc còn thiếu là 156.198.000đ và 30.000.000đ tiền lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Văn San T trình bày: Anh là con của ông G và bà Bé B. Anh có biết việc ông G mua phân thuốc của ông L, bà Th. Anh là người trực tiếp đến cửa hàng nhận phân thuốc và ký biên nhận cũng như sổ nhận hàng. Thống nhất số phân thuốc đã nhận theo ông L, bà Th trình bày. Anh San T có trực tiếp trả cho ông L 3 lần tổng số tiền 125.000.000đ gồm một lần 40.000.000đ, một lần 50.000.000đ và một lần 35.000.000đ, thời gian cụ thể không nhớ chính xác. Số tiền này là tiền của ba, mẹ anh đưa để trả ông L, bà Th. Anh San T thống nhất với ý kiến của ông G và bà Bé B và không có ý kiến gì thêm.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An đã tiến hành hòa giải tranh chấp giữa các bên, nhưng kết quả không thành.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 38/2018/DS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 184, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 305, 428, 431, 432, 438 Bộ luật Dân sự năm 2005 và các Điều 92, 468 và 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Võ Văn L và bà Lê Thị Th về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản với ông Lê Văn G và bà Võ Thị Bé B.

Buộc ông Lê Văn G và bà Võ Thị Bé B có trách nhiệm trả cho ông Võ Văn L và bà Lê Thị Th số tiền: 251.991.000đ (hai trăm năm mươi một triệu chín trăm chín mươi một ngàn đồng).

2. Trong trường hợp ông Lê Văn G và bà Võ Thị Bé B chậm trả tiền cho ông L, bà Th thì ông G và bà Bé B phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án đối với các đương sự.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, bà Võ Thị Bé B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, không đồng ý trả 95.793.000đ tiền lãi cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của bà Võ Thị Bé B được thực hiện đúng thủ tục luật định, đủ điều kiện để vụ án được xem xét lại theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: Các đương sự đều thống nhất có mua bán phân thuốc và có thỏa Thuận việc trả lãi, thống nhất số nợ từ việc mua phân Thốc là 411.198.000đ, đã trả được 255.000.000đ, còn nợ lại 303.025.000đ, cả gốc và lãi. Nguyên đơn khởi kiện đòi số tiền nợ là 303.025.000đ và tính lãi suất với mức 1,5%/tháng là không phù hợp về mức lãi suất, nên Tòa án cấp sơ thẩm điều chỉnh mức lãi suất về 0,75% là đúng pháp luật. Bà Võ Thị Bé B kháng cáo không đồng ý trả lãi với

số tiền 95.793.000đ, nhưng không được phía nguyên đơn đồng ý, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận, giữ nguyên án sơ thẩm về nội dung tranh chấp. Ngoài ra, án sơ thẩm tuyên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với số tiền 251.991.000đ, nhưng không tuyên không chấp nhận phần yêu cầu nào của nguyên đơn mà lại buộc nguyên đơn chịu án phí là thiếu sót, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, tuyên không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền 51.034.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về Tố tụng: Kháng cáo của bà Võ Thị Bé B được thực hiện đúng thời hạn, đúng thủ tục luật định, nên vụ án được xem xét lại theo trình tự phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Văn San T vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm. Tuy nhiên, trong vụ án này chỉ có bà Bé B kháng cáo, anh San T không có kháng cáo, nội dung kháng cáo của bà Bé B không ảnh hưởng gì đến quyền, lợi ích hợp pháp của anh San T, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh San T. Ông Võ Văn L có đăng ký kinh doanh bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và giống cây trồng với tư cách là Hộ kinh doanh cá thể, được Phòng Tài chính Kế hoạch huyện Tân Hưng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Hộ cá thể lần đầu vào năm 2001, đăng ký lại lần 2 năm 2009 với tên gọi là: Hộ kinh doanh Võ Văn L. Như vậy, khi ông L, bà Th khởi kiện tranh chấp liên quan đến hợp đồng mua bán hàng hóa xuất phát từ việc kinh doanh của Hộ kinh doanh Võ Văn L, thì phải xác định nguyên đơn trong vụ án là: Ông Võ Văn L – Chủ Hộ kinh doanh Võ Văn L và bà Lê Thị Th mới đúng. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm điều chỉnh lại một phần tư cách tố tụng của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét kháng cáo của bà Võ Thị Bé B thấy rằng: Các đương sự đều thống nhất việc mua bán hàng hóa là phân bón, thuốc bảo vệ thực vật giữa các bên là có tính lãi đối với khoản tiền nợ chậm trả. Phía ông L, bà Th cho rằng mức lãi suất các bên thỏa thuận là 2%/tháng, phía ông G, bà B xác định mức lãi suất các bên thỏa thuận là 1,5%/tháng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là đúng theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng, đúng quy định tại Điều 438 Bộ luật Dân sự năm 2005. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm điều chỉnh mức lãi suất về 0,75%/tháng là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 438 Bộ luật Dân sự năm 2005. Bởi lẽ, đây là trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất trong hợp đồng mua bán hàng hóa, theo phía bị đơn thừa nhận là 1,5%/tháng thì phải thực hiện theo thỏa thuận của các bên. Tòa án cấp sơ thẩm không thể cho rằng mức lãi suất các bên thỏa thuận đã vượt mức tối đa theo quy định của pháp luật, mà điều chỉnh lại như quy định về lãi suất trong hợp đồng vay tài sản. Tuy nhiên, do phía nguyên đơn không kháng cáo về cách tính lãi và mức lãi suất mà Tòa sơ thẩm đã áp dụng là đã có lợi cho phía ông G, bà Bé B, nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xem xét, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút

kinh nghiệm nội dung này. Bà Bé B kháng cáo không đồng ý trả khoản tiền lãi 95.793.000đ, nhưng không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh các bên không có thỏa thuận trả lãi, nên không được chấp nhận, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc không chấp nhận kháng cáo của bà Bé B, giữ nguyên án sơ thẩm về nội dung này là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Đối với ý kiến của Kiểm sát viên về việc án sơ thẩm tuyên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với số tiền 251.991.000đ, nhưng không tuyên không chấp nhận phần yêu cầu nào của nguyên đơn mà lại buộc nguyên đơn chịu án phí là thiếu sót, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, tuyên không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền 51.034.000đ. Đề nghị này của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và điều chỉnh lại cách tuyên án cho chính xác, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Bé B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bà Võ Thị Bé B.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 38/2018/DS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An về nội dung giải quyết tranh chấp, điều chỉnh lại cách tuyên án cho chính xác như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Võ Văn L - Chủ Hộ kinh doanh Võ Văn L và bà Lê Thị Th.

Buộc ông Lê Văn G và bà Võ Thị Bé B liên đới trách nhiệm trả cho ông Võ Văn L – Chủ hộ kinh doanh Võ Văn L và bà Lê Thị Th số tiền: 251.991.000đ (*hai trăm năm mươi một triệu, chín trăm chín mươi một nghìn đồng*), trong đó tiền nợ gốc là 156.198.000đ, nợ lãi là 95.793.000đ.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Võ Văn L – Chủ hộ kinh doanh Võ Văn L và bà Lê Thị Th với số tiền là 51.034.000đ.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền nợ gốc chậm thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông G, bà Bé B liên đới trách nhiệm nộp 12.600.000đ án phí sung ngân sách Nhà nước. Buộc ông Võ Văn L – Chủ hộ kinh doanh Võ Văn L và bà Lê Thị Th liên đới trách nhiệm nộp 2.552.000đ (đã làm tròn số) sung ngân sách nhà nước. Chuyển khoản tiền tạm ứng án phí ông L, bà Th đã nộp là 9.541.000đ theo biên lai thu số 0004901 ngày 01/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng sang thi hành án phí, nên hoàn lại cho ông L, bà Th số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 6.989.000đ.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Thị Bé B phải chịu 300.000đ án phí. Chuyển 300.000đ tiền tạm ứng án phí bà Bé B đã nộp theo biên lai thu số 0004983 ngày 27/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng sang thi hành án phí, nên bà Bé B không phải nộp tiếp.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Khánh